

		Một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới, những định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại trong tương lai.	1						..	
Tổng số câu			16		1 (a,b)		1 (a*)		1 (b)*	
Tổng hợp chung			40%	30%	20%	10%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ/CUỐI KÌ
MÔN: ĐỊA LÍ
Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Địa lí							
1	Chủ đề Địa lí dân cư	Đặc điểm tình hình phát triển dân số trên thế giới.	Nhận biết Trình bày đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.	2			
		Gia tăng dân số	Nhận biết Phân biệt gia tăng dân số tự nhiên, cơ học, Trình bày khái niệm về gia tăng dân số thực tế. Thông hiểu Phân tích các nhân tố tác động đến gia tăng dân số	2			
		Cơ cấu dân số	Nhận biết Trình bày các loại cơ cấu dân số Vận dụng So sánh các loại tháp dân số tiêu biểu Vận dụng cao Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn	4	1* (a;b)	a*	b*
		Các nhân tố tác động đến	Thông hiểu				

		phân bố dân cư	Phân tích tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế xã hội đến phân bố dân cư				
		Đô thị hóa	Thông hiểu Trình bày khái niệm, phân tích các nhân tố tác động đến đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường Vận dụng Nhận xét và giả thích sự phân bố dân cư thế giới qua bản đồ. Vẽ biểu đồ về dân số Phân tích biểu đồ, bảng số liệu về dân số		1* (a;b)	a*	
2	Chủ đề các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	Khái niệm, phân loại nguồn lực	Nhận biết Trình bày khái niệm và phân loại các nguồn lực.	2			
		Vai trò của nguồn lực	Thông hiểu Phân tích vai trò của mỗi nguồn lực đối với phát triển kinh tế Vận dụng Phân tích sơ đồ nguồn lực		1* (a;b)	a*	
		Cơ cấu kinh tế	Nhận biết Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế, phân biệt các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ.	2			
		Tổng sản phẩm trong nước và thu nhập quốc gia	Thông hiểu So sánh một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: Tổng sản phẩm trong nước, thu nhập quốc gia, và bình quân đầu người Vận dụng		1* (a;b)	a*	b*

			Vẽ biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích Vận dụng cao Liên hệ một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.				
3	Chủ đề địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Vai trò, đặc điểm của nông, lâm nghiệp, thủy sản	Nhận biết Trình bày vai trò đặc điểm của ngành nông lâm thủy sản	2			
		Sự phân bố một số cây trồng vật nuôi chính trên thế giới	Thông hiểu Trình bày và giải thích sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. Vận dụng Đọc bản đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê và vẽ biểu đồ về nông lâm nghiệp, thủy sản. Vận dụng cao Vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương.		1* (a;b)	a*	b*
		Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Nhận biết Trình bày quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, phân biệt vai trò, đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1			
		Một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới, những định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại trong tương lai.	Nhận biết Nêu ột số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới, những định hướng phát triển nông nghiệp hiện đại trong tương lai.	1			
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	1 câu TL (a; b)	1 câu (a) TL	1 câu (b) TL
Tổng hợp chung				40%	30%	20%	10%

(Đề có 2 trang)

Họ tên : Số báo danh :

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 ĐIỂM)

Câu 1: Dân số thế giới hiện nay quy mô đông và tiếp tục tăng chủ yếu ở

- A. Nhóm nước phát triển
B. Trung Quốc, Ấn Độ
C. Nhóm nước đang phát triển
D. Nhóm nước công nghiệp mới

Câu 2: Căn cứ vào nguồn gốc, nguồn lực có thể phân loại thành

- A. Kinh tế - xã hội, trong nước, ngoài nước.
B. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, ngoài nước.
C. Vị trí địa lí, kinh tế - xã hội, trong nước.
D. Vị trí địa lí, tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Câu 3: Điều không phải định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai

- A. Thích ứng với biến đổi khí hậu
B. Ứng dụng công nghệ cao
C. Gắn với thị trường
D. Phát triển nông nghiệp sạch

Câu 4: Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. tuổi và trình độ văn hoá.
B. lao động và theo tuổi.
C. tuổi và theo giới tính.
D. lao động và giới tính.

Câu 5: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
B. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư
C. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
D. hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư.

Câu 6: Dân số thế giới bùng nổ vào thời gian nào sau đây

- A. Từ giữa thế kỉ XX
B. Đầu thế kỉ XXI
C. Cuối thế kỉ XX
D. Đầu thế kỉ XX

Câu 7: Nguồn lực nào sau đây tạo thuận lợi (hay khó khăn) trong việc tiếp cận giữa các vùng trong một nước?

- A. Đất đai, biển.
B. Lao động.
C. Vị trí địa lí.
D. Khoa học.

Câu 8: Đặc điểm của hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trang trại là

- A. chủ yếu là sản xuất hàng hoá, quy mô đất đai và vốn lớn.
B. gồm các địa phương tương tự nhau về điều kiện sinh thái
C. ra đời dựa trên tinh thần tự nguyện của các hộ nông dân.
D. sản xuất nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của gia đình.

Câu 9: Vai trò của sản xuất nông nghiệp **không** phải là

- A. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
B. bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
C. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành
D. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.

Câu 10: Nội dung chủ yếu nhất của cơ cấu kinh tế là

A. sự phân chia tổng thể chung thành các bộ phận.
B. tổng số chung và tất cả các bộ phận hợp thành.

- C. các bộ phận hợp thành và quan hệ giữa chúng.
D. sự sắp xếp các bộ phận trong cả tổng thể chung.

Câu 11: Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em sinh ra còn sống trong năm so với dân số trung bình ở

- A. lúc đầu năm.
B. vào giữa năm.
C. vào cuối năm
D. cùng thời điểm.

Câu 12: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và trình độ văn hoá. B. trình độ văn hoá và theo giới tính.
C. giới tính và theo lao động. D. lao động và theo tuổi.

Câu 13: Cơ cấu dân số theo giới tính **không** phải biểu thị tương quan giữa giới

- A. nữ so với tổng dân. B. nữ so với giới nam
C. nam so với giới nữ. D. nam so với tổng dân.

Câu 14: Cơ cấu dân số theo lao động cho biết

- A. nguồn lao động
B. nguồn lao động và dân số hoạt động theo khu vực kinh tế
C. bộ phận dân số trong độ tuổi lao động
D. dân số đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân

Câu 15: Cơ cấu ngành kinh tế gồm các bộ phận nào sau đây?

- A. Nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
B. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực trong nước.
C. Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ và khu vực ngoài nước
D. Nông - lâm - ngư nghiệp, khu vực ở trong nước và dịch vụ.

Câu 16: Vai trò của sản xuất nông nghiệp **không** phải là

- A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất cho các ngành.
B. sản xuất ra những mặt hàng có giá trị xuất khẩu.
C. bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm.
D. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 ĐIỂM)

Câu 1 (3 điểm)

- a. Phân tích tác động của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế xã hội và môi trường?
b. Phân tích vai trò của nguồn lực kinh tế xã hội đối với phát triển kinh tế?

Câu 2(3 điểm)

- a. Bảng 19. Cơ cấu GDP của thế giới năm 2010 và năm 2019

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2019
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	3,8	4,0
Công nghiệp, xây dựng	27,7	26,7
Dịch vụ	63,4	64,9
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,1	4,4
Tổng cộng	100	100

Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu GDP của thế giới năm 2010 và năm 2019.

- b. Bằng hiểu biết của mình và kiến thức đã học, hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến dân số của Việt Nam hiện nay có sự chuyển nhanh sang cơ cấu dân số già?

----- HẾT -----

